

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên       |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                 |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Đàm Quang       | Huy    | 3671030042 | 25/08/1992 | 4,50        | ,00         | 1,40      | KHON    |
| 2   | Phan Bá         | Cầu    | 3671030067 | 23/12/1994 | 1,50        | ,00         | ,50       |         |
| 3   | Đỗ Trọng        | Nguyên | 3671030069 | 04/03/1994 | 6,50        | 2,00        | 3,40      |         |
| 4   | Văn Công Tuấn   | Anh    | 3671030072 | 07/05/1993 | 5,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 5   | Đỗ Nhựt         | Minh   | 3671030096 | 14/09/1994 | 5,50        | 5,00        | 5,20      |         |
| 6   | Trần Phạm Thanh | Tài    | 3671030098 | 16/10/1994 | 4,50        | 4,00        | 4,20      |         |
| 7   | Võ Hoàng        | Nam    | 3671030099 | 26/08/1994 | 5,50        | 4,30        | 4,70      |         |
| 8   | Dương Trung     | Quốc   | 3671030102 | 01/01/1994 | 3,00        | 3,50        | 3,40      |         |
| 9   | Lê Hạnh         | Toàn   | 3671030114 | 06/08/1994 | 3,50        | ,00         | 1,10      |         |
| 10  | Nguyễn Thanh    | Trọng  | 3671030116 | 02/11/1994 | 3,00        | ,00         | ,90       |         |
| 11  | Nguyễn Nhật     | Nam    | 3671030154 | 20/11/1994 | 5,50        | ,00         | 1,70      |         |
| 12  | Lê Quang        | Huy    | 3671030157 | 16/07/1994 | 4,50        | 4,00        | 4,20      |         |
| 13  | Lê Xuân         | Thông  | 3671030163 | 01/01/1994 | 7,50        | 2,50        | 4,00      |         |
| 14  | Ngô Đình        | Hưng   | 3671030175 | 02/01/1992 | 5,50        | 1,30        | 2,60      |         |
| 15  | Lương Hoàng     | Lộc    | 3671030188 | 20/07/1994 | 5,50        | ,00         | 1,70      |         |
| 16  | Hồ Võ Quốc      | Bảo    | 3671030215 | 20/09/1994 | 5,00        | 4,80        | 4,90      |         |
| 17  | Nguyễn Danh     | Tài    | 3671030222 | 06/06/1994 | 4,50        | 5,00        | 4,90      |         |
| 18  | Nguyễn Hữu      | Phiến  | 3671030225 | 24/07/1994 | 3,50        | ,00         | 1,10      |         |
| 19  | Bùi Phan Tín    | Đông   | 3671030227 | 24/08/1994 | 6,00        | 4,80        | 5,20      |         |
| 20  | Phạm Chí        | Hướng  | 3671030229 | 10/12/1994 | 6,50        | 5,00        | 5,50      |         |
| 21  | Tăng Thanh      | Hùng   | 3671030258 | 10/05/1992 | 4,50        | ,00         | 1,40      |         |
| 22  | Lê Minh         | Nhật   | 3671030263 | 22/08/1994 | 4,50        | 6,00        | 5,60      |         |
| 23  | Huỳnh Đông      | Khoa   | 3671030279 | 10/02/1993 | 4,50        | 3,80        | 4,00      |         |
| 24  | Phạm Hà Việt    | Anh    | 3671030295 | 17/11/1993 | 2,50        | ,00         | ,80       |         |
| 25  | Lê Nhựt         | Thanh  | 3671030298 | 03/09/1994 | 3,00        | 5,50        | 4,80      |         |
| 26  | Nguyễn Quốc     | Trung  | 3671030303 | 27/09/1994 | 5,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 27  | Phạm Trọng      | Hậu    | 3671030306 | 08/09/1994 | 6,00        | 2,50        | 3,60      |         |
| 28  | Lê Hồng         | Thịnh  | 3671030309 | 22/09/1994 | 5,00        | 4,30        | 4,50      |         |
| 29  | Dương Ngọc      | Thịnh  | 3671030313 | 02/03/1994 | 7,00        | 5,80        | 6,20      |         |
| 30  | Phan Minh       | Thơ    | 3671030315 | 01/03/1994 | 6,00        | 5,00        | 5,30      |         |
| 31  | Nguyễn Duy      | Châu   | 3671030398 | 24/06/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 32  | Ngô Việt        | Lâm    | 3671031630 | 15/02/1990 | 1,50        | ,00         | ,50       |         |
| 33  | Nguyễn Văn      | Trọng  | 3671031974 | 11/12/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 34  | Huỳnh Quốc      | Đạt    | 3671032025 | 21/11/1994 | 5,50        | 6,50        | 6,20      |         |
| 35  | Nguyễn Thành    | Dôn    | 3671032034 | 20/05/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên | MSSV | Ngày sinh | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------|------|-----------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |           |      |           | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |

Tổng số : **SV**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013*

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)